

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bất thuộc xã Sập Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là bản Bất, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Công văn số 33/CV-HTYC ngày 28/7/2025 của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bất thuộc xã Sập Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là bản Bất, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 872/TTr-SNNMT ngày 06/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bất thuộc xã Sập Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là bản Bất, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu (sau đây gọi là

Chủ dự án) thực hiện tại bản Bết, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế đảm bảo an toàn xây dựng, an toàn khai thác, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình hoạt động; chịu trách nhiệm về kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, tham vấn cộng đồng, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án. Có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch UBND xã Yên Châu; Giám đốc Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT - Hiệu 10 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bắ thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là bản Bắ, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bắ thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là bản Bắ, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La).

- Địa điểm thực hiện: Bản Bắ, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Chủ dự án: Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu.

- Địa chỉ liên hệ: Bản Bắ, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Vị trí, tọa độ, diện tích khu vực thực hiện Dự án:

Khu vực khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 104 ^{00'} múi chiều 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
Khu 1			
1	2328961,4	531597,1	2,1864
1.1	2328954,8	531594,6	
1.2	2328946,6	531597,4	
1.3	2328923,1	531609,7	
2	2328905,0	531618,8	
3	2328897,5	531623,7	
4	2 328 884	531645,5	
5	2329060.3	531686,2	
6	2329067,7	531681,7	
7	2329109,7	531613,8	
8	2329140,7	531561,3	
9	2329103,4	531509,4	
10	2329032,4	531534,1	
11	2329038,4	531544,6	
12	2329019,6	531575,0	
13	2329014,4	531577,7	
13.1	2329011,0	531581,9	
13.2	2329004,7	531586,5	

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 104 ^{00'} múi chiều 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
13.3	2328998,4	531588,9	
13.4	2328989,4	531590,2	
14	2328973,2	531598,4	
Khu 2			
B1	2329009,2	531476,1	1,9499
B2	2329014,6	531501,2	
B3	2329024,8	531520	
B3.1	2329065,9	531510,2	
B3.2	2329101,7	531497,8	
B3.3	2329111,6	531494,8	
B4	2329177,6	531479	
B5	2329161,4	531433,3	
B6	2329143,4	531411,3	
B7	2329113,7	531398,3	
B8	2329052,5	531440	
B9	2329009,9	531450,1	
B9.1	2329009,8	531432,7	
B9.2	2328995,1	531430,2	
B9.3	2328989,3	531421,9	
B9.4	2328987,6	531404,4	
B9.5	2328999,3	531391,1	
B9.6	2329009,3	531383,1	
B10	2329009,2	531369,9	
B11	2328984,7	531335,1	
B12 [°]	2328894,4	531380,4	
B22 [°]	2328922,5	531431,8	
B23	2328967,7	531426,2	
B24	2328982,4	531430,6	
B25	2328983,3	531440,4	
B26	2329012,3	531452,8	
Khu 3			
B12	2328881,2	531387	1,3967
B12.1	2328838,4	531420,5	
B12.2	2328837,5	531425,1	
B12.3	2328826,7	531443,5	
B12.4	2328824,9	531449,5	
B12.5	2328816,7	531459,2	

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 104 ^{00'} múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
B12.6	2328810,9	531460,1	
B12.7	2328799,8	531450,7	
B13.	2328795,9	531453,6	
B14	2328786,3	531553,8	
B15	2328826,2	531591,6	
B16	2328889,1	531552,5	
B17	2328876,9	531535,2	
B18	2328869,9	531519,4	
B19	2328869,2	531498,8	
B20	2328874,7	531481,6	
B21	2328897,5	531466,8	
B22	2328901,9	531432,2	
Tổng diện tích			5,533

Khu vực phụ trợ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 104 ^{00'} múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
Khu bể lắng số 02			
B 22´	2328922,5	531431,8	0,0238
B 22´,1	2328938,3	531440,4	
B 23	2328967,7	531426,2	
Kho chất thải nguy hại			
B24	2328982,4	531430,6	0,0018
B24,1	2328980,3	531429,9	
B25	2328983,3	531440,4	
B25,1	2328981,0	531438,2	
Tổng diện tích			0,0256

1.2. Quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích dự án là 5,5586 ha, trong đó:

+ Khu vực khai thác: 5,533 ha (*diện tích này Chủ dự án đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Sơn La*).

+ Khu vực phụ trợ: 0,0256 ha (*gồm kho chất thải nguy hại, bể lắng*).

- Phương pháp khai thác, công suất khai thác: Khai thác đất sét bằng phương pháp lộ thiên với công suất 33.000m³/năm (*trong đó: Công suất khai thác trong thời*

gian xây dựng cơ bản mở: 10.000m^3 ; công suất khai thác còn lại năm thứ nhất là 23.000m^3 ; công suất khai thác bình quân/năm ổn định trong năm thứ 02 đến năm thứ 20 là $33.000\text{m}^3/\text{năm}$).

- Thời gian thực hiện dự án: 22 năm (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mở, khai thác và đóng cửa mỏ).

1.3. Công nghệ sản xuất (công nghệ khai thác)

- Hệ thống khai thác: Lớp băng, vận tải trực tiếp kết hợp lớp xiên xúc chuyển.

- Trình tự khai thác: Tiến hành khai thác lần lượt từ khu 03, đến khu 02, kết thúc tại khu 01 (kết thúc khai thác từng khu sẽ tiến hành cải tạo phục hồi môi trường). Khai thác từ trên xuống dưới, khai thác hết tầng trên chuyển xuống khai thác tầng dưới. Khai thác từ Bắc sang Nam của khu 03, khai thác từ Tây sang Đông của khu 02 (gần khu 03), khai thác từ Tây Bắc sang Đông Nam của khu 02 (gần khu 01), khai thác từ Đông Bắc sang Tây Nam của khu 01.

Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H_t	m	5
2	Chiều cao tầng kết thúc khai thác	H_{kt}	m	8
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α_t	độ	75
4	Góc nghiêng sườn tầng khi kết thúc khai thác	α_{kt}	độ	65
5	Góc nghiêng bờ công tác	φ_t	độ	0
6	Góc nghiêng bờ kết thúc	φ_{kt}	độ	0
7	Chiều rộng đai bảo vệ	B_v	m	2,5
8	Chiều rộng dải khẩu	A	m	14-16
9	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	$B_{\min}$	m	20 - 25
10	Chiều dài tuyến công tác tối thiểu	$L_{x\min}$	m	30-50

- Công nghệ chế biến: Dự án không tiến hành hoạt động chế biến.

- Sản phẩm đầu ra: Đất sét làm gạch, ngói phục vụ hoạt động Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Kho chất thải nguy hại diện tích 18m^2 . Các hạng mục công trình phụ trợ khác (nhà ở công nhân, khu vực sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, ...) sử dụng chung với cơ sở Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu (cùng chủ đầu tư là Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu).

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, hố lắng và bể lắng; hệ thống phun sương dập bụi.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mở: Thi công tuyến đường công vụ và tạo diện khai thác tại 03 khu vực khai thác; thi công tuyến đường lên kho chất thải nguy hại; thi công đào bể lắng, hồ lắng, rãnh thoát nước (*các công trình bảo vệ môi trường được xây dựng và hoàn thiện trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở*).

- Hoạt động khai thác đất sét: Xúc cày xới đất; xúc bốc đất lên xe vận tải; vận chuyển đất về Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.

- Hoạt động kết thúc khai thác, cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công

a) Các hoạt động của dự án

- Công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục thuê đất, phát quang thảm thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mở.

b) Tác động đến môi trường: Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn; bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động san gạt mặt bằng; hoạt động của máy móc thiết bị thi công và các sự cố trong quá trình thi công.

2.2. Giai đoạn hoạt động

a) Các hoạt động của dự án: Hoạt động khai thác đất sét (*phương pháp khai thác mở lộ thiên*); hoạt động xúc bốc, vận chuyển đất sét về Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.

b) Các tác động môi trường

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình khai thác đất bằng phương pháp lộ thiên, từ quá trình xúc bốc đất lên ô tô vận chuyển, quá trình vận chuyển đất.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác lộ thiên.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

- Tác động không liên quan đến chất thải: tiếng ồn, độ rung,...

- Các sự cố trong quá trình khai thác: Tai nạn lao động; sự cố do thiên tai, sạt lở, sụt lún; tai nạn giao thông,...

2.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động tháo dỡ các công trình không còn sử dụng; củng cố bờ moong; san gạt, trồng cây; vận chuyển đất hoàn thổ, cải tạo phục hồi môi trường.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng: Không phát sinh.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án phải được xử lý, kiểm soát trước khi xả ra môi trường khoảng $436,54\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tính cho lưu lượng nước mưa lớn nhất trong năm, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết), thành phần chủ yếu là chất lơ lửng, đất, cát,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Không phát sinh.

- Nước vệ sinh dập bụi và tưới đường khoảng $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, chủ yếu sẽ bay hơi và thấm vào đất, không phát thải ra môi trường xung quanh.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án phải được xử lý, kiểm soát trước khi xả ra môi trường khoảng $436,54\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tính cho lưu lượng nước mưa lớn nhất trong năm, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết). Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát, ...

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nước thải sinh hoạt: Không phát sinh.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án phải được xử lý, kiểm soát trước khi xả ra môi trường khoảng $436,54\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ hoạt động của các máy móc trong quá trình san ủi, phát quang thảm thực vật; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình bốc xúc, san gạt thi công tuyến đường công vụ, tạo mặt bằng khai thác ban đầu, đào hố lắng, bể lắng, rãnh thoát nước; vận chuyển đất sét về khu vực lưu trữ của Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO ,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh: Bụi phát sinh trong quá trình xúc bốc đất khai thác lộ thiên; bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển đất sét về Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu; khí thải phát sinh từ phương tiện, thiết bị khai thác.

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO,...

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động vận chuyển đất phủ; bụi phát sinh từ hoạt động san gạt, xúc bốc; khí thải phát sinh từ phương tiện, thiết bị thi công.

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải rắn sinh hoạt: Không phát sinh trong 3 giai đoạn: Giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn vận hành; giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sinh khối thực vật từ hoạt động phát quang khoảng 140,73 tấn.

- Khối lượng đất bóc phát sinh trong quá trình thi công: 925,7m³.

b) Giai đoạn vận hành

Khối lượng đất phủ phát sinh trong giai đoạn khai thác: 44.468,8m³.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Không phát sinh.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải nguy hại

- Không phát sinh trong 02 giai đoạn: Giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ.

- Giai đoạn vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 110 kg/năm, cụ thể:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	40
2	Dầu Diezen thải	Lỏng	10
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	20
4	Giẻ lau dầu máy	Rắn	5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	35
Tổng			110

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Máy móc, thiết bị thi công xây dựng, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất sét.
- Khu vực phát sinh: Tại moong khai thác và khu vực thi công xây dựng cơ bản mỏ.
- Thời gian: Trong suốt thời gian thi công xây dựng (*khoảng 0,2 năm*).

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Máy móc, phương tiện khai thác; phương tiện vận chuyển đất sét về Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.
- Khu vực phát sinh: Tại khai trường mỏ, tuyến đường vận chuyển đất sét về Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.
- Thời gian: Trong suốt thời gian khai thác.

3.3.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nguồn phát sinh: Máy móc, phương tiện thi công cải tạo phục hồi môi trường, vận chuyển đất phủ trồng cây.
- Khu vực phát sinh: Toàn bộ khu vực dự án.
- Thời gian: Trong suốt thời gian đóng cửa mỏ (*12 tháng*).

3.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế, xã hội; tác động tới hệ sinh thái, cảnh quan khu vực,...
- Tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai, sạt lở, sụt lún, sạt lở bờ moong khai thác; tai nạn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn khu vực dự án phục vụ cho quá trình thi công xây dựng cơ bản mỏ và giai đoạn khai thác.

- Hệ thống rãnh thu nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn vào bề lằng theo hình thức tự chảy. Nước mưa chảy tràn từ tầng cao xuống tầng thấp. Rãnh thoát nước được xây dựng phía đáy khai trường để đảm bảo thu gom nước toàn bộ khai trường. Rãnh thu nước được đào bằng máy xúc thủy lực gầu ngược, kết cấu rãnh: đáy và thành rãnh là nền đất tự nhiên, đầm chặt, cụ thể:

+ Khu 03: Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước chiều dài khoảng 145m (*kích thước: rộng mặt 1,0m × rộng đáy 0,42m × sâu 0,5m*) và 02 hố lắng dung tích 01 m³/hố.

Quy trình thực hiện: Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → 02 hồ lắng → công thoát nước hiện có Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu → bể lắng 02 dung tích $937,5\text{m}^3$ (kết cấu nền đất đầm chặt có lót bạt chống thấm) → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (theo rãnh nước chiều dài 62m, kích thước rãnh: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$, kết cấu nền đất tự nhiên).

+ Khu 02 (moong khai thác gần khu 03): Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước chiều dài khoảng 68m (kích thước: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$). Quy trình thực hiện: Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → bể lắng 01 dung tích 607m^3 (kết cấu nền đất đầm chặt có lót bạt chống thấm) → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy sang hệ thống rãnh thoát nước khu 03 (bằng cống bê tông xây mới đường kính $0,5\text{m}$, chiều dài 24m) → bể lắng 02 dung tích $937,5\text{m}^3$ (kết cấu nền đất đầm chặt có lót bạt chống thấm) → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (theo rãnh nước chiều dài 62m, kích thước rãnh: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$, kết cấu nền đất tự nhiên).

+ Khu 02 (moong khai thác gần khu 01): Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước chiều dài khoảng 72m (kích thước: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$). Quy trình thực hiện: Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước khu 02 → cống bê tông xây mới đường kính $0,5\text{m}$, chiều dài 16m → rãnh thoát nước khu 01 → bể lắng 02 dung tích $937,5\text{m}^3$ (kết cấu nền đất đầm chặt có lót bạt chống thấm) → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (theo rãnh nước chiều dài 62m, kích thước: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$, kết cấu nền đất tự nhiên).

+ Khu 01: Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước chiều dài khoảng 198m (kích thước: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$) và 02 hồ lắng dung tích $01\text{m}^3/\text{hồ}$. Quy trình thực hiện: Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → 02 hồ lắng → bể lắng 02 dung tích $937,5\text{m}^3$ (kết cấu nền đất đầm chặt có lót bạt chống thấm) → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (theo rãnh nước chiều dài 62m, kích thước: rộng mặt $1,0\text{m}$ × rộng đáy $0,42\text{m}$ × sâu $0,5\text{m}$, kết cấu nền đất tự nhiên).

Tọa độ điểm tiếp nhận nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiếu 3^0): X = 2328901; Y = 533120. Phương thức xả thải: tự chảy; chế độ xả nước thải: gián đoạn khi có mưa. Bùn cặn từ bể lắng, hồ lắng và mương thoát nước thường xuyên được nạo vét định kỳ 01 lần/tháng và sử dụng để trồng cây trong khu vực dự án.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) (QCVN 40:2025/BTNMT, cột B bắt đầu từ ngày 01/01/2032).

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước vệ sinh dập bụi và tưới đường sẽ bay hơi và thấm vào đất, không phát thải ra môi trường xung quanh.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn: Tiếp tục sử dụng hệ thống rãnh thu gom thoát nước, hồ lắng và bể lắng để thu gom nước tại khu vực khai trường (đã

được thi công hoàn thành từ giai đoạn xây dựng cơ bản mở) để xử lý, kiểm soát nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn trước khi xả ra môi trường. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) (QCVN 40:2025/BTNMT, cột B bắt đầu từ ngày 01/01/2032).

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp thu gom, xử lý nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn đến khi kết thúc giai đoạn đóng cửa mỏ.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Thi công theo hình thức cuốn chiếu và thực hiện trong thời gian ngắn nhất; khi xúc bốc lên xe để vận chuyển phải đúng tải trọng và phủ bạt che kín thùng xe.

- Thường xuyên phun nước dập bụi, làm ẩm tại tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu tần suất 04 lần/ngày vào ngày hanh nắng đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Các thiết bị thi công phải thường xuyên bảo dưỡng, đảm bảo vận hành hiệu quả và giảm thiểu phát sinh bụi. Các phương tiện vận chuyển có đăng ký, đạt các yêu cầu kỹ thuật, không chở quá tải trọng cho phép.

- Trong quá trình thi công, trường hợp kết cấu hạ tầng giao thông khu vực bị hư hỏng do hoạt động của dự án, Chủ dự án phải hoàn trả lại mặt bằng theo đúng hiện trạng đảm bảo tuyến đường đi lại ổn định cho dân sinh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn hoạt động

- Khu vực khai thác: Khai thác tuân thủ theo đúng quy trình, trình tự khai thác; kết thúc khai thác từng khu sẽ tiến hành cải tạo phục hồi môi trường, trồng cây toàn bộ khu vực khai thác; hạn chế khai thác vào những ngày có gió lớn, trường hợp cần thiết phải bố trí bơm lưu động phun tưới ẩm khu vực khai thác; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc trên công trường; đất đổ lên thùng xe luôn đảm bảo thấp hơn thành xe từ 0,5m - 0,7m để đảm bảo không rơi vãi ra ngoài,...

- Tuyến đường vận chuyển từ khu khai thác về nhà máy: Đầu tư 01 bồn tưới nước di động có dung tích 01m³ đặt trên xe tải; xây dựng hệ thống phun sương dập bụi dọc tuyến đường vận chuyển với chiều dài 1.330m (*chiều dài có thể thay đổi theo từng giai đoạn khai thác*). Thời gian hoàn thành trước khi tiến hành khai thác, trong quá trình khai thác việc phun sương dập bụi được thực hiện thường xuyên, trừ những ngày mưa thời tiết ẩm ướt.

- Đối với những xe vận chuyển đất, khi di chuyển phải có vải bạt che chắn, vào những ngày hanh nắng cần giảm tốc độ khi di chuyển.

- Công nhân sẽ được trang bị khẩu trang, mũ và các dụng cụ bảo hộ lao động khi làm việc. Trồng cây quanh khu vực dự án nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi, tạo cảnh quan môi trường. Loại cây trồng là cây Keo, chiều dài hàng cây dự kiến khoảng 400m, số lượng 80 cây. Thời gian thực hiện trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở, hoàn thành trước khi tiến hành khai thác mỏ.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

- Sinh khối thực vật từ hoạt động phát quang: Được thu gom, phơi khô và phục vụ làm nguyên liệu đốt.

- Khối lượng đất bóc phát sinh trong quá trình thi công: Được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất của Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.

b) Giai đoạn hoạt động

Khối lượng đất phủ phát sinh trong giai đoạn khai thác được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất của Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Không bố trí công trình thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 18m² đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý chất thải rắn nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Tổ chức thi công hợp lý (có tiến độ thi công đối với từng hạng mục công trình,

thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ).

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc theo định kỳ.

- Không tiến hành các hoạt động thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống của cộng đồng dân cư xung quanh. Thời gian thi công hoạt động từ 6^h00' - 11^h30' và 13^h00' - 18^h00'.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (hoặc các quy chuẩn mới thay thế).

4.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Chỉ vận hành các thiết bị khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật. Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian khai thác.

- Tiến hành chia ca, bố trí khai thác vào ban ngày, không thực hiện khai thác ban đêm để giảm tiếng ồn, giảm thiểu tác động tới sinh hoạt cuộc sống cộng đồng dân cư khu vực xung quanh.

- Trồng cây xung quanh khu vực dự án để hạn chế lan truyền tiếng ồn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (hoặc các quy chuẩn mới thay thế).

4.3.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Duy trì các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án được lựa chọn: ***“San gạt khu vực mặt tầng bờ mỏ và đáy moong, tháo dỡ kho chất thải nguy hại, tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi. Bồi sung đất màu, định hướng thoát nước bề mặt theo địa hình khu vực cải tạo, trồng cây (Keo lá tràm)”***. Kết thúc khai thác từng khu sẽ tiến hành cải tạo phục hồi môi trường, trồng cây toàn bộ khu vực khai thác.

Sau khi kết thúc khai thác khu vực khai trường có diện tích là 55.330m² (trong đó: đáy mỏ có diện tích 33.544,27m², bờ mỏ có diện tích 21.785,73m²).

- Khu vực khai thác số 01 (tiến hành cải tạo sau khi kết thúc năm thứ 20)

- + Khu vực sườn tầng (bờ mỏ): Bờ mỏ có diện tích là 8.573,14m² (trong đó mặt tầng có diện tích 2.489,94m² và sườn tầng có diện tích 6.083,2m²). Khu vực sườn tầng trong quá trình khai thác đã tạo độ dốc an toàn để cỏ mọc tự nhiên. Khu vực mặt tầng được san lấp bằng đất phủ dày 0,3m với khối lượng đất phủ 747m³ (khối lượng đất

phủ được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định), trồng cây Keo lá tràm với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây là $0,3 \times 0,3 \times 0,3\text{m}$, tổng số cây cần trồng là 415 cây.

+ Khu vực đáy mỏ: Tiến hành san lấp bằng đất phủ dày 0,3m với diện tích $13.305,86\text{m}^2$, khối lượng đất phủ 3.992m^3 . Đối với bể lắng 02: Thực hiện san lấp vào cuối giai đoạn phục hồi môi trường, khối lượng đất san lấp $937,5\text{m}^3$ (*khối lượng đất san lấp được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định*). Trồng cây Keo lá tràm trên toàn bộ khu vực đáy mỏ với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây là $0,3 \times 0,3 \times 0,3\text{m}$, tổng số cây cần trồng là 2.218 cây.

- Khu vực khai thác số 02 (*tiến hành cải tạo sau khi kết thúc năm thứ 9,5*)

+ Khu vực sườn tầng (*bờ mỏ*): Bờ mỏ có diện tích là $8.779,53\text{m}^2$ (*trong đó mặt tầng có diện tích $2.959,22\text{m}^2$ và sườn tầng có diện tích $5.820,31\text{m}^2$*). Khu vực sườn tầng trong quá trình khai thác đã tạo độ dốc an toàn để cỏ mọc tự nhiên. Khu vực mặt tầng được san lấp bằng đất phủ dày 0,3m với khối lượng đất phủ 888m^3 (*khối lượng đất phủ được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định*), trồng cây Keo lá tràm với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây là $0,3 \times 0,3 \times 0,3\text{m}$, tổng số cây cần trồng là 493 cây.

+ Khu vực đáy mỏ: Tiến hành san lấp bằng đất phủ dày 0,3m với diện tích $10.701,47\text{m}^2$, khối lượng đất phủ 3.210m^3 (*khối lượng đất san lấp được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định*). Trồng cây Keo lá tràm trên toàn bộ khu vực đáy mỏ với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây là $0,3 \times 0,3 \times 0,3\text{m}$, tổng số cây cần trồng là 1.784 cây.

- Khu vực khai thác số 03 (*tiến hành cải tạo sau khi kết thúc năm thứ 4*)

+ Khu vực sườn tầng (*bờ mỏ*): Bờ mỏ có diện tích là $84.433,06\text{m}^2$, trong đó mặt tầng có diện tích $1.480,19\text{m}^2$ và sườn tầng có diện tích $3.024,87\text{m}^2$. Khu vực sườn tầng trong quá trình khai thác đã tạo độ dốc an toàn theo thiết kế để cỏ mọc tự nhiên. Khu vực mặt tầng được san lấp bằng đất phủ dày 0,3m với khối lượng đất phủ 444m^3 (*khối lượng đất phủ được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định*), trồng cây Keo lá tràm với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây là $0,3 \times 0,3 \times 0,3\text{m}$, tổng số cây cần trồng là 246 cây.

+ Khu vực đáy mỏ: Tiến hành san lấp bằng đất phủ dày 0,3m với diện tích $9.536,94\text{m}^2$, khối lượng đất phủ 2.861m^3 (*khối lượng đất san lấp được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định*). Trồng cây Keo lá tràm trên toàn bộ khu vực đáy mỏ với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây là $0,3 \times 0,3 \times 0,3\text{m}$, tổng số cây cần trồng là 1.590 cây.

- Khu vực phụ trợ: Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại. Đối với bể lắng 01: Thực hiện san lấp vào cuối giai đoạn phục hồi môi trường, khối lượng đất san lấp 607m^3 (*khối lượng đất san lấp được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định*). Sau đó tiến hành trồng cây keo lá tràm toàn bộ khu vực phụ trợ.

- Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi.

- Xử lý chất thải phá dỡ theo đúng quy định.
- Nạo vét hệ thống thoát nước trên mặt bằng khu mỏ tần suất thực hiện 02 lần trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường.
- Đo vẽ địa hình hoàn thổ, thành lập bản đồ địa hình đối với diện tích khu vực đã tiến hành cải tạo phục hồi môi trường với tổng diện tích 5,5586 ha.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
A	Khu vực bờ mỏ			
A1	Khu vực 1			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 20
1	Khối lượng san gạt	m ³	747	
2	Khối lượng trồng cây	m ²	2.489,94	
3	Khối lượng mua đất phủ	m ³	747	
4	Khối lượng vận chuyển đất phủ	m ³	747	
A2	Khu vực 2			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 9,5
1	Khối lượng san gạt	m ³	888	
2	Khối lượng trồng cây	m ²	2.959,22	
3	Khối lượng mua đất phủ	m ³	888	
4	Khối lượng vận chuyển đất phủ	m ³	888	
A3	Khu vực 3			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 4
1	Khối lượng san gạt	m ³	444	
2	Khối lượng trồng cây	m ²	1.480,19	
3	Khối lượng mua đất phủ	m ³	444	
4	Khối lượng vận chuyển đất phủ	m ³	444	
B	Khu vực đáy moong			
B1	Khu vực 1			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 20
	Khối lượng san gạt	m ³	3.992	
	Khối lượng trồng cây	m ²	13.305,86	
	Khối lượng mua đất phủ	m ³	3.992	
	Khối lượng vận chuyển đất phủ	m ³	3.992	
B2	Khu vực 2			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 9,5
	Khối lượng san gạt	m ³	3.210	
	Khối lượng trồng cây	m ²	10.701,47	
	Khối lượng mua đất phủ	m ³	3.210	
	Khối lượng vận chuyển đất phủ	m ³	3.210	
B3	Khu vực 3			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 4
-	Khối lượng san gạt	m ³	2.861	
-	Khối lượng trồng cây	m ²	9.536,94	
-	Khối lượng mua đất phủ	m ³	2.861	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	Khối lượng vận chuyển đất phủ	m ³	2.861	
C	Kho chất thải nguy hại			Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 20
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤6m	m ²	18	
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao ≤6m	tấn	0,09	
-	Phá dỡ nền xi măng không cốt thép, thủ công	m ²	18	
D	Khu vực phụ trợ			
-	Khối lượng san gạt	m ³	7,2	
-	Khối lượng trồng cây	m ²	18	
-	Khối lượng mua đất phủ	m ³	7,2	
Đ	Di chuyển máy móc	công	5	
E	Khối lượng lấp bể lắng 1 + 2	m ³	1.544,5	
F	Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi	công	15	
G	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình đồ tỷ lệ 1/2.000	m ²	55.586	

b) Tiến độ thực hiện

- Khu vực khai thác số 01 tiến hành cải tạo sau khi kết thúc năm thứ 20.
- Khu vực khai thác số 02 tiến hành cải tạo sau khi kết thúc năm thứ 9,5.
- Khu vực khai thác số 3 tiến hành cải tạo sau khi kết thúc năm thứ 4.
- Sau khi mở đất sét kết thúc toàn bộ quá trình khai thác sẽ tiến hành thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian 12 tháng và tiếp tục theo dõi chăm sóc cây trồng trong 03 năm tiếp theo. Sau phục hồi môi trường sẽ bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.

c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **1.655.034.609 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi năm triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm linh chín đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ là 20 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 15% tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá), cụ thể: **248.255.191 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi năm nghìn, một trăm chín mươi một đồng).

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là **74.041.022 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, không trăm hai mươi hai đồng).

Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng

lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

- + Thời điểm ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- + Thời điểm ký quỹ từ lần thứ 02 trở đi: Trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố mưa bão.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

a) Phòng chống sự cố sụt lún, sạt lở

- Khai thác theo đúng quy trình. Tại những nơi nguy hiểm, Chủ dự án sẽ có các biển báo đề phòng sạt lở đất từ trên các sườn dốc xuống, đảm bảo an toàn cho công nhân trong công tác khai thác.

- Trong quá trình khai thác luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố liên quan đến xói mòn, sạt trượt bờ moong. Chủ dự án phải thường xuyên theo dõi các sườn tầng, mặt tầng để kịp thời phát hiện và xử lý các vị trí xung yếu, đảm bảo an toàn tối đa cho công tác khai thác.

- Xây dựng hệ thống thoát nước để ngăn tốc độ dòng chảy của nước mưa chảy tràn tránh tác động tiêu cực tới môi trường xung quanh khu vực mỏ. Sau mỗi trận mưa bão phải kiểm tra tình trạng kỹ thuật, an toàn khai trường và máy móc thiết bị, nếu các thiết bị liên quan tới an toàn lao động sản xuất có hư hỏng, sự cố phải tiến hành công tác sửa chữa.

b) Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và tổ chức tập huấn về an toàn lao động trong quá trình khai thác; máy móc, thiết bị vận tải phải được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ.

c) Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ: Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý

- Thực hiện các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình thi công cũng như khi dự án đi vào hoạt động khai thác.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện an toàn lao động, phòng chống sự cố trong giai đoạn thi công và quá trình hoạt động.

- Giám sát và buộc các chủ phương tiện thi công phải thực hiện theo đúng các phương án giảm thiểu bụi, tiếng ồn, an toàn lao động... đã đề ra.

- Lập kế hoạch và triển khai công tác quan trắc môi trường theo định kỳ và khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

- Dự án phải chấp hành nghiêm chỉnh công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng về môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn vận hành *(theo đề xuất của Chủ dự án)*

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực moong khai thác; khu vực tuyến đường vào dự án.

- Chỉ tiêu phân tích: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất: Tối thiểu 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung *(hoặc các quy chuẩn mới thay thế)*.

5.2.2. Giám sát môi trường nước thải trong giai đoạn vận hành *(theo đề xuất của Chủ dự án)*

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực bể lắng 1; khu vực bể lắng 2.

- Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, COD, màu, Coliform, BOD₅ (20°C).

- Tần suất: 01 lần/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

5.2.3. Giám sát chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.
- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hồ sơ giám sát được Chủ dự án lưu giữ tại khu vực mỏ, kết quả giám sát được cập nhật trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5.2.4. Giám sát khác

a) Giám sát xói mòn, sạt lở, sụt lún moong khai thác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn khai thác.
- Vị trí giám sát: Moong khai thác đất sét.
- Nội dung giám sát: Duy trì giám sát xói mòn, trượt lở đất, sụt lún bờ moong khai thác theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giám sát tai biến và sự cố môi trường:

- Tần suất giám sát: Khi xảy ra sự cố môi trường
- Vị trí giám sát: Khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Giám sát tai biến và sự cố môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Giám sát hệ thống thoát nước: Giám sát khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước; khả năng lưu giữ nước của bể lắng; khối lượng bùn lắng cặn trong hệ thống thoát nước.

- Vị trí giám sát: rãnh thu thoát nước, hồ lắng, bể lắng.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

d) Giám sát sức khỏe và an toàn lao động: Ngoài việc đóng bảo hiểm cho công nhân, Chủ dự án sẽ tổ chức giám sát sức khỏe cho người lao động, từ đó phát hiện các bệnh tật để có thể chữa trị kịp thời. Kiểm tra thường xuyên sự chấp hành các hướng dẫn kỹ thuật, nội quy vận hành thiết bị, quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong hoạt động khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

6.1. Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo dõi, đôn đốc việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bắt thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (*nay là bản Bắt, xã Yên Châu,*

tỉnh Sơn La) của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu. Định kỳ hàng năm, rà soát đề xuất kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Dự án theo quy định; kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có), kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6.2. Yêu cầu UBND xã Yên Châu

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành giám sát thường xuyên, liên tục hoạt động khai thác, việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, việc thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ quá trình khai thác đảm bảo an toàn đối với dự án Đầu tư khai thác đất sét làm gạch, ngói tại bản Bất thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (*nay là bản Bất, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La*) của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6.3. Yêu cầu Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Chỉ được phép triển khai Dự án khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- + Được cơ quan quản lý nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, bàn giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- + Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến.

- + Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép môi trường theo đúng quy định.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian trong Giấy phép khai thác khoáng sản; thuê đất theo đúng các quy định của pháp luật.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến khai thác đất; tuân

thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; sụt lún, trượt lở; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án; Tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực mỏ nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố trên phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Tiến hành trồng cây bổ sung xung quanh dự án, dọc các tuyến đường dân sinh cạnh nhà máy và khu đất trống nhằm tạo cảnh quan môi trường, hạn chế khả năng lan truyền bụi, rửa trôi và xói mòn do mưa bão và lũ quét.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo*) gửi đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Yên Châu trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác an toàn về khai thác mỏ lộ thiên và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Sơn La và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, nội dung tham vấn cộng đồng, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án./.